



Hải Dương, ngày 06 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

V/v “Lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản, vật tư thuộc
Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương”

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Quyết định số: 315/PLXHD- QĐ ngày 22/04/2022 của Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương về việc “Thanh lý tài sản cố định thuộc Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương”;

Căn cứ Bảng tổng hợp tài sản cố định đã thanh lý và vật tư thu hồi đề nghị bán đấu giá thuộc Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương;

Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương thông báo việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện đấu giá lô tài sản và vật tư thu hồi của Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương nội dung như sau:

1- Tên, địa chỉ của người có tài sản:

Đơn vị: Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương.

Địa chỉ: Km4, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2- Tên tài sản đấu giá, số lượng, chất lượng:

- Tên tài sản: Các tài sản cố định, vật tư thu hồi thanh lý (Có bảng tổng hợp kèm theo).

- Chất lượng tài sản: Hồng, không đảm bảo yêu cầu sử dụng.

3- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- Giá khởi điểm: 49.982.972 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, chín trăm bảy mươi hai đồng).

- Giá trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bảo vệ môi trường, chưa bao gồm thuế VAT, là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá theo quy định hiện hành.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

4.1. Tiêu chí chung: Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016.

4.2. Tiêu chí bổ sung (tiêu chí chấm điểm)

Đơn vị nào có điểm cao nhất thì đơn vị đó được lựa chọn.

Trường hợp có nhiều đơn vị đấu giá được đánh giá có điểm cao nhất bằng nhau thì ưu tiên lựa chọn đơn vị có thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản thấp hơn.



STT	Nội dung	Điểm tối đa
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử ...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tiếp	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0



1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã đấu giá thành công các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0



5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế GTGT Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
	Tổng số điểm	100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ tư pháp công bố	Không đủ điều kiện



5. Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ đăng ký:

- Nộp hồ sơ trực tiếp trong giờ làm việc hoặc qua đường bưu điện trong thời gian từ 08h ngày 07/6/2022 đến 15h ngày 14/06/2022.

- Người đến nộp hồ sơ trực tiếp phải mang theo giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước (Chú ý: *Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các đơn vị không được lựa chọn*).

- Số lượng hồ sơ nộp: 01 bản sao y và 01 bản chính (để đối chiếu)

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Quản lý kỹ thuật - Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương.

- Địa chỉ: Km4, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản được biết và gửi hồ sơ đăng ký theo đúng quy định. /

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử Bộ tư pháp;
- Trang web Công ty Xăng dầu B12
- Ban giám đốc (để báo cáo)
- Lưu VT, Nga (04)



Đàm Văn Thuýnh





Hải Dương, ngày 20 tháng 5 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN, CCDC ĐÃ THANH LÝ VÀ VẬT TƯ THU HỒI ĐỀ NGHỊ BÁN ĐẦU GIÁ

STT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng	Ghi chú
I	Tài sản thanh lý	9			45.206.372		
1	HT công nghệ CH Cẩm phúc (Petrolimex-CH 56)	1	HT	3.536.900	3.536.900	Đã phá dỡ thu hồi ống công nghệ, nắp tu đầm bê, nắp hố van	- Giá trị thu hồi ống công nghệ: 325,7kg x 7.000đ=2.279.900đ; - Giá trị thu hồi nắp tu đầm bê: 51kg x 7.000 đ= 357.000 đ; - Giá trị thu hồi nắp hố van: 45kg x 20.000đ = 900.000 đ.
2	Bê thép 25 m3 số 3 (Petrolimex-CH 56)	1	Cái	13.889.824	13.889.824	Bê thép cũ, bị móp méo một số vị trí, lớp bọc nhựa đường bên ngoài bị lão hóa bong tróc. Các vị trí bị bong tróc không được bảo vệ bị han rỉ nhiều làm giảm chiều dày, có vị trí bị han rỉ rỗ sâu. Các thanh tăng cứng, tai cầu bị han rỉ, bê không đảm bảo yêu cầu để tiếp tục sử dụng.	Tỷ lệ % chất lượng còn lại: 16%; Giá trị thu hồi được tính dựa vào giá trị bê mới tại thời điểm hiện tại là: 86.811.400 đồng x 16%=13.889.824 đồng
3	Bê thép 25 m3 số 1 (Petrolimex-CH 56)	1	Cái	13.889.824	13.889.824		Tỷ lệ % chất lượng còn lại: 16%; Giá trị thu hồi được tính dựa vào giá trị bê mới tại thời điểm hiện tại là: 86.811.400 đồng x 16%=13.889.824 đồng
4	Bê thép 25 m3 số 2 (Petrolimex-CH 56)	1	Cái	13.889.824	13.889.824		Tỷ lệ % chất lượng còn lại: 16%; Giá trị thu hồi được tính dựa vào giá trị bê mới tại thời điểm hiện tại là: 86.811.400 đồng x 16%=13.889.824 đồng
II	Vật tư thu hồi	254			4.776.600		
1	Đầu cò bơm 40l/p	62	Cái	4.500	279.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá nhôm phế liệu 45.000 đ/kg x 0,1kg/cái
2	Đầu cò bơm 70l/p	1	Cái	4.500	4.500	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá nhôm phế liệu 45.000 đ/kg x 0,1kg/cái



STT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng	Ghi chú
3	Súng tra dầu 40l/p	9	Cái	4.500	40.500	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá nhôm phế liệu 45.000 đ/kg x 0,1kg/cái
4	Súng tra dầu 70l/p	4	Cái	4.500	18.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá nhôm phế liệu 45.000 đ/kg x 0,1kg/cái
5	Khớp xoay loại 40l/p	10	Cái	1.400	14.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 0,2kg/cái
6	Khớp xoay loại 70l/p	6	Cái	1.400	8.400	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 0,2kg/cái
7	Thước đo quả dọi 5m	7	Cái	13.400	93.800	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	- Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,1kg/cái - Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 0,2kg/cái
8	Thước đo quả dọi 8m	1	Cái	14.100	14.100	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	- Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,1kg/cái - Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 0,3kg/cái
9	Bình chữa cháy MFTZ35	14	Cái	49.000	686.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 7kg/cái
10	Bình chữa cháy MFZ8	1	Cái	9.100	9.100	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 1,3kg/cái
11	Bình chữa cháy MFZ4	58	Cái	7.000	406.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 1kg/cái
12	Bình khí MT5	5	Cái	15.400	77.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 2,2kg/cái
13	Ôn áp lioa	6	Cái	81.000	486.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	- Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,5kg/cái - Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 3kg/cái
14	Clephin đồng DY48	3	Cái	60.000	180.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,5kg/cái
15	Clephin đồng DY60	1	Cái	60.000	60.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,5kg/cái
16	Bơm xăng dầu lắc tay	1	Cái	49.000	49.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 7kg/cái
17	Van 1 chiều f140	1	Cái	12.000	12.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,1kg/cái
18	Thiết bị tiếp địa PLX	8	Cái	20.400	163.200	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	- Giá đồng phế liệu 120.000 đ/kg x 0,1kg/cái - Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 1,2kg/cái
19	Cửa xếp (thu hồi từ CH 89)	6	Cái	231.000	1.386.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Giá sắt phế liệu 7.000 đ/kg x 33kg/cái
20	Tivi 55 inch	7	Cái	10.000	70.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Bán nguyên trạng 10.000 đồng/cái

STT	Tên tài sản	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Hiện trạng	Ghi chú
21	Máy in laser	5	Cái	10.000	50.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Bán nguyên trạng 10.000 đồng/cái
22	Bộ máy tính để bàn	34	Cái	10.000	340.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Bán nguyên trạng 10.000 đồng/cái
23	Máy tính xách tay	3	Cái	10.000	30.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Bán nguyên trạng 10.000 đồng/cái
24	Điều hòa 18000BTU	1	Cái	300.000	300.000	Vật tư thu hồi, cũ, hỏng, không sửa chữa, sử dụng được.	Bán nguyên trạng 300.000 đồng/cái
Tổng cộng:		263			49.982.972		

NGƯỜI LẬP



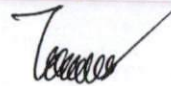
Hoàng Thị Vân Nga

PHÒNG QLKT



Nguyễn Xuân Ngọc

PHÒNG KẾ TOÁN



Nguyễn Như Toàn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đàm Văn Thuýnh

H.T.